TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1016/2025/DS-PT
Ngày: 27/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3643/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 13244/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn X, sinh năm 1991; địa chỉ: tiệm C, tổ D, khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1992; địa chỉ: số E, đường Đ, tổ A, khu B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Lê Mạnh T1, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ B, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: số C, Block D, Chung cư H, đường số A, tổ A, khu G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà T và ông T1: Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ B, ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2025); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà T và ông T1: Ông Võ Tấn T3, sinh năm 1994; là luật sư Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T4, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ A, khu phố I, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là phường C, tỉnh Đồng Nai); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Lê Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Phương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Lê Văn X trình bày:

Ông X và ông Lê Mạnh T1 có quan hệ bạn bè thân thiết. Vào khoảng tháng 8/2023, ông T1 có hỏi vay tiền ông X do gặp khó khăn về tài chính. Ông X đồng ý cho vay với điều kiện ông T1 phải dùng chiếc xe ô tô của mình làm tài sản đảm bảo. Sau đó, ngày 23/7/2023 ông X chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Phương T (vợ ông T1).

Ngày 20/8/2023, Ông X1, ông T1 và bà T ký Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, theo đó: số tiền vay: 300.000.000 đồng (bao gồm cả 100.000.000 đồng đã chuyển trước đó); thời hạn vay từ ngày 20/8/2023 đến 20/12/2023; lãi suất thỏa thuận miệng là 20%/năm, trả lãi hàng tháng vào ngày 20 tây; tài sản thế chấp là xe ô tô MAZDA biển số 61A-58412 do ông T1 đứng tên. Hai bên thỏa thuận về việc ông X1 có quyền thu hồi và thanh lý xe để cấn trừ nợ nếu ông T1 và bà T không trả nợ. Sau khi ký hợp đồng, ông X1 chuyển thêm 200.000.000 đồng vào tài khoản của bà T. Xe ô tô vẫn do vợ chồng ông T1 sử dụng.

Sau khi nhận tiền của ông X1 thì ông T1 và bà T không trả lãi và đến hạn cũng không trả lại số tiền gốc cho ông X1. Ông X1 đã nhiều lần liên hệ nhưng hai ông bà vẫn cố tình lẩn tránh không trả tiền cho ông X1.

Do đó, ông X1 khởi kiện, yêu cầu:

1. Buộc ông Lê Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Phương T liên đới trả cho ông X1 số tiền gốc là 300.000.000 đồng.

2. Buộc ông Lê Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Phương T liên đới trả cho ông X1 số tiền lãi tạm tính từ ngày 20/8/2023 cho đến ngày 20/8/2024 với lãi suất 20%/năm, tương ứng với số tiền là: 300.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm = 60.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông X1 yêu cầu ông Lê Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Phương T liên đới trả là 360.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Lê Mạnh T1 trình bày:

Ông T1 và ông X1 có quan hệ bạn bè. Ngày 20/8/2023, ông T1 ký giấy vay nợ 300.000.000 đồng với ông X1, do ông X1 không tin tưởng ông T4. Ông X1 yêu cầu ông T1 ký giấy vay nợ thì mới cho ông T4 vay số tiền này. Thực tế, ông T4 và ông X1 đã thỏa thuận trực tiếp về việc vay mượn và lãi suất hàng tháng.

Sau khi bà T (vợ ông T1) nhận 300.000.000 đồng từ ông X1, bà T chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản của ông T4. Ông T4 đã trả lãi cho ông X1 tổng cộng 35.000.000 đồng, tương đương với lãi suất 5%/tháng.

Ông T4 xác nhận có nhờ vợ chồng ông T1 đứng ra bảo lãnh vay tiền từ ông X1. Ông T1 khẳng định đã thông báo trước với ông X1 về việc số tiền này là do ông T4 vay, và ông X1 đã đồng ý (thể hiện qua tin nhắn Zalo giữa ông T1 và ông X1).

Trước yêu cầu khởi kiện của ông X1 thì ông T1 không đồng ý trả nợ vì cho rằng vợ chồng ông không vay tiền của ông X1. Ông T1 đề nghị ông X1 yêu cầu ông T4 trả số tiền này.

Tại Bản tự khai ngày 18/4/2025, bị đơn ông T1 trình bày:

Ông X1 và ông T1 có mối quan hệ bạn bè. Vào ngày 23/7/2023, ông T1 đặt vấn đề với ông X1 về việc xin cho ông T4 vay 100.000.000 đồng. Ông X1 đồng ý cho ông T4 vay, với điều kiện tiền được chuyển qua tài khoản của bà T. Theo đó, vào khoảng 09 giờ 28 phút ngày 23/7/2023, ông X1 đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của bà T. Sau khi nhận được tiền, vào khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bà T đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông T4 mở tại Ngân hàng TMCP Á (A).

Đến ngày 20/8/2023, ông T1 tiếp tục nhắn tin cho ông X1, với nội dung là ông T4 muốn vay thêm 200.000.000 đồng trong thời hạn 7 ngày. Ông X1 yêu cầu phải có giấy tờ vay mượn. Do không tin tưởng trực tiếp vào ông T4, ông X1 yêu cầu ông T1 và bà T phải ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/8/2023 thì mới đồng ý cho ông T4 vay số tiền này.

Ngày 20/8/2023, ông T1 đã ký vào hợp đồng vay tiền theo yêu cầu của ông X1. Trong hợp đồng có thỏa thuận về việc trả lãi, tuy nhiên không xác định rõ ràng mức lãi suất cụ thể; lãi suất được ông X1 và ông T4 tự thỏa thuận với nhau bên ngoài hợp đồng. Vào khoảng 17 giờ 32 phút ngày 20/8/2023, ông X1 đã chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của bà T. Sau khi nhận được tiền từ ông X1, vào cùng ngày, bà T đã chuyển số tiền 95.000.000 đồng vào tài khoản của ông T4 mở tại Ngân hàng TMCP Á (A).

Cũng vào ngày 20/8/2023, lúc 17 giờ 56 phút, bà T đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản của ông X1 mở tại Ngân hàng TMCP V (V1). Khoản tiền này do ông T4 nhờ bà T chuyển trả lãi cho ông X1 đối với số tiền vay 100.000.000 đồng từ ngày 23/7/2023, với mức lãi suất 5%/tháng. Số tiền 100.000.000 đồng còn lại, ông T4 thỏa thuận với ông T1 và bà T cấn trừ vào số tiền mà ông T4 đã mượn của ông T1 và bà T vào ngày 22/7/2023 (cụ thể là ngày 22/7/2023, bà T đã chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông T4 mở tại Ngân hàng TMCP Á (A)).

Trước đó, vào lúc 14 giờ 50 phút ngày 14/8/2023, ông T4 đã chuyển trả số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông T1 để thanh toán một phần số tiền mượn ngày 22/7/2023.

Kể từ thời điểm nhận tiền vay ngày 20/8/2023, ông T4 đã thanh toán trực tiếp tiền lãi cho ông X1 với mức lãi suất khoảng 5%/tháng. Ông T4 và ông X1 cũng thường xuyên trao đổi qua Z về việc thanh toán tiền lãi và tiền gốc.

Trong nội dung tin nhắn Zalo giữa ông X1 và ông T1 cũng thể hiện rõ rằng ông T4 là người vay tiền từ ông X1, và ông T1 chỉ là người trung gian bảo đảm cho ông T4 vay tiền. Điều này xuất phát từ việc ông X1 biết ông T4 thông qua sự giới thiệu của ông T1, và do chưa tin tưởng ông T4 nên ông X1 yêu cầu ông T1 đứng ra bảo đảm thì mới đồng ý cho ông T4 vay tiền. Đồng thời, vào ngày 20/8/2023, ông T4 cũng đã ký giấy xác nhận việc vay tiền từ ông X1, đồng thời nhờ ông T1 và bà T bảo lãnh cho khoản vay này.

Với những lý do nêu trên, có thể thấy rằng, hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/8/2023 giữa bà T, ông T1 và ông X1 thực chất chỉ là một hợp đồng giả tạo, nhằm mục đích hợp thức hóa và che giấu giao dịch vay tiền thực tế giữa ông X1 và ông T4. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự, có cơ sở để đề nghị Tòa án xác định hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/8/2023 là vô hiệu, đồng thời công nhận giao dịch vay tiền thực tế giữa ông X1 và ông T4.

Do các bên không có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất trong hợp đồng, đề nghị Tòa án xác định mức lãi suất theo quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời xác định số tiền ông T4 đã thanh toán (gồm cả gốc và lãi) cho ông X1, căn cứ theo các quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 9 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, để làm rõ nghĩa vụ thanh toán của các bên.

Từ những cơ sở nêu trên đề nghị tòa án xem xét giải quyết:

- Hủy hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/8/2023 tại tổ D, khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương giữa Nguyễn Thị Phương T, Lê Mạnh T1 với ông Lê Văn X.

- Công nhận giao dịch vay tiền giữa ông Lê Văn X với ông Lê Văn T4 số tiền 300.000.000 đồng.

- Xác định lãi suất theo quy định của pháp luật, xác định số tiền ông T4 đã thanh toán tiền lãi, gốc cho ông X để làm rõ nghĩa vụ thanh toán của các bên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T thống nhất lời trình bày của ông Lê Mạnh T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T4 trình bày:

Ông T4 có quen biết ông X do ông T1 giới thiệu. Giữa ông T4 và ông X không có giao dịch vay mượn tiền.

Vào tháng 7/2023, ông T4 cần tiền để đầu tư đất đai và làm thủ tục giấy tờ nhà đất nên ông T4 có hỏi mượn tiền vợ chồng ông T1 là bà T và ông T1 số tiền 300.000.000 đồng. Vợ chồng ông T1 không có tiền nên vay của ông X để cho ông T4 vay lại.

Ngày 22/7/2023, bà T có chuyển vào tài khoản của ông T4 (34873867 Lê Văn T4 Ngân hàng Á) số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2023, bà T chuyển khoản tiếp cho ông T4 số tiền 95.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Tổng cộng 300.000.000 đồng.

Việc thỏa thuận lãi suất giữa X và T1, T như thế nào thì ông T4 không biết chỉ nghe ông T1 nói là 4%/tháng. Lãi suất hàng tháng ông T1 bảo ông Trung chuyển K vào tài khoản của ông X. Ông T4 đã chuyển khoản cho ông X vài lần tiền lãi ông T4 không nhớ rõ khoảng 15.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền không có thỏa thuận 3 bên mà ông X cho T và T1 vay, T và T1 cho ông T4 vay lại. Hiện nay ông X khởi kiện ông T1 và bà T thì ông T4 không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn X đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lê Mạnh T1, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lê Mạnh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn X số tiền 327.720.032 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn không trăm ba mươi hai đồng), trong đó tiền gốc: 289.960.000 đồng (hai trăm tám mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng); lãi suất: 37.760.032 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 32.279.968 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi tám).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2025, bị đơn ông Lê Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị Phương T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, hủy hợp đồng cho vay tiền ngày 20/8/2023 và công nhận giao dịch vay tiền giữa ông X với ông T4 số tiền 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T4 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà T và ông T1 là ông Võ Tấn T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn thừa nhận đã ký Hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2023 và đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng do nguyên đơn chuyển khoản. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn cho rằng số tiền trên là khoản vay do mình đứng ra bảo lãnh cho ông T4. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã không cung cấp được thỏa thuận bảo lãnh hay thỏa thuận ba bên nào để chứng minh người có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là ông T4. Lời khai của bị đơn cũng có mâu thuẫn khi cho rằng mình vay tiền của nguyên đơn để cho ông T4 vay lại (bút lục 63). Do đó, không có căn cứ để xác định đây là hợp đồng nhằm che giấu giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và ông T4. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định quan hệ vay mượn là giữa nguyên đơn và bị đơn.

[4] Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2023, các bên thỏa thuận đây là khoản vay có kỳ hạn và có tính lãi. Tuy nhiên, thỏa thuận về lãi suất "dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay" là không rõ ràng. Áp dụng Điều 404 của Bộ luật Dân sự về giải thích hợp đồng, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để xác định tiền lãi trong hạn là có căn cứ. Cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn (từ ngày 20/8/2023 đến 20/12/2023, tương đương 04 tháng): 300.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng = 9.960.000 đồng.

Số tiền lãi đã trả: Từ ngày 20/8/2023 đến ngày 14/12/2023, ông T4 đã chuyển khoản trả lãi thay cho bị đơn số tiền là 20.000.000 đồng.

Số tiền trả dư: Số tiền trả vượt quá tiền lãi trong hạn là 10.040.000 đồng (20.000.000 đồng - 9.960.000 đồng). Việc Tòa án cấp sơ thẩm cấn trừ số tiền này vào nợ gốc là phù hợp.

Số nợ gốc còn lại: 300.000.000 đồng - 10.040.000 đồng = 289.960.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục xác định tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc còn lại, tính từ ngày 21/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/5/2024 là có căn cứ.

[5] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lê Mạnh T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lê Mạnh T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003987 ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Biên lai thu số 0003992 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (16), 86.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Vương